

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐẮK HÀ**

Số: /UBND - TTĐVN

V/v hướng dẫn về điều kiện tái đàn lợn
trong và sau thời gian có dịch bệnh
Dịch tả lợn Châu phi.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Đắk Hà, ngày tháng năm

Kính gửi:

- Ban quản lý các thôn, tổ dân phố trên địa bàn xã Đắk Hà và các xã lân cận (*xã Đắk Mar, Đắk Pxi, Đắk Ui, Ngọc Ráo*);
- Phòng Kinh tế xã;
- Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp xã;
- Trung tâm Văn hóa - Thể thao – DV và TT xã.

Thực hiện Kết luận của Đồng chí Nguyễn Minh Vương – Phó bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã tại buổi làm việc với các cơ quan, đơn vị (*Ngày 11/8/2025*) chỉ đạo Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp xã tham mưu UBND xã ban hành văn bản chỉ đạo các thôn, tổ dân phố tạm thời không tái đàn hoặc nuôi đàn mới cho đến khi có thông báo dịch bệnh được kiểm soát; hướng dẫn các hộ chăn nuôi thực hiện đúng quy trình an toàn vệ sinh chuồng trại.

Lũy kế từ ngày 29/7/2025 đến ngày 7/8/2025, bệnh Dịch tả lợn Châu Phi (DTLCP) đã xảy ra 03 hộ/02 thôn /01 xã tổng số lượng tiêu hủy là 121 con/7.637 kg và đang có chiều hướng gia tăng mạnh, gây thiệt hại lớn về kinh tế, ảnh hưởng nghiêm trọng đến bảo đảm nguồn cung thực phẩm, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) và môi trường.

Để thực hiện tốt công tác phòng chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn xã, giảm thiệt hại cho người chăn nuôi khi thực hiện tái đàn khi chăn lợn nuôi trở lại.

Ủy ban nhân dân xã Đắk Hà hướng dẫn về điều kiện tái đàn lợn trong và sau thời gian có dịch bệnh Dịch tả Lợn Châu Phi trên địa bàn xã Đắk Hà và các xã lân cận với nội dung hướng dẫn như sau:

1. Thực hiện theo văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn 1412/UBND-NNMT, ngày 15/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tập trung quyết liệt, đồng bộ các giải pháp phòng chống Dịch tả lợn Châu Phi và phục hồi phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi .

2. Ban quản lý các thôn, tổ dân phố:

- Tăng cường thông tin, tuyên truyền sâu rộng bằng nhiều hình thức (*họp thôn, loa đài, truyền thanh, truyền hình...*) trong đó tập trung tuyên truyền, hướng dẫn người chăn nuôi chấp hành về điều kiện chăn nuôi, đảm bảo khoảng cách an toàn trong chăn nuôi, quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân chăn nuôi theo quy định tại Điều 55, Điều 56 và Điều 57 của Luật Chăn nuôi (*Có Quy định kèm theo*).

- Thực hiện việc chăn nuôi áp dụng các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học tại Phụ lục II, Hướng dẫn thực hiện biện pháp an toàn sinh học cho cơ sở chăn nuôi lợn tại Công văn 14/CV-TTĐVNN, ngày 12/8/2025 về việc hướng dẫn thực hiện biện pháp an toàn sinh học cho cơ sở chăn nuôi. (*Có Hướng dẫn chăn nuôi an toàn sinh học kèm theo kèm theo*).

- Phối hợp nhân viên thú y, Trung tâm DVNN xã tổ chức kiểm tra, hướng dẫn người chăn nuôi thực hiện bố trí chuồng nuôi phải tách biệt với nơi ở của người; phải áp dụng các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học trong quá trình chăn nuôi; thực hiện tiêm phòng vắc xin cho đàn vật nuôi theo quy định, hướng dẫn của cơ quan chuyên môn; có phương án tiêu hủy và bố trí đầy đủ dụng cụ, phương tiện, hóa chất, vôi và vị trí tại chỗ để tiêu hủy gia súc mắc bệnh, chết. Tổ chức các đội thực hiện tổng vệ sinh, phun thuốc sát trùng cho khu vực chăn nuôi hộ gia đình, bãi chăn thả, chợ buôn bán động vật sống và sản phẩm động vật ở dạng tươi sống, địa điểm thu gom động vật sống và sản phẩm động vật để buôn bán, kinh doanh, khu vực chôn lấp, xử lý tiêu hủy động vật mắc bệnh, sản phẩm động vật mang mầm bệnh, khu vực thu gom, xử lý chất thải của động vật,...; việc phun khử trùng được thực hiện sau khi đã được vệ sinh cơ giới như: quét dọn, cọ, rửa sạch,... (*Có Hướng dẫn khử trùng tiêu độc kèm theo*).

- Tổ chức nuôi tái đàn lợn phải được thực hiện theo quy định tại khoản 2, phần II, Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi, giai đoạn 2020 - 2025 được Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt tại Quyết định 972/QĐ-TTg, ngày 07/7/2020. Hướng dẫn tổ chức nuôi tái đàn lợn các nội dung sau:

*** Một là nguyên tắc nuôi tái đàn lợn:**

- Chỉ nuôi tái đàn lợn tại cơ sở chăn nuôi lợn chưa bị bệnh DTLCP hoặc tại cơ sở có bệnh nhưng đã qua 21 ngày và không tái phát bệnh DTLCP; bảo đảm các biện pháp an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh.

- Đối với các thôn, tổ dân phố chưa hết bệnh DTLCP, chỉ được nuôi tại cơ sở tập trung chưa bị bệnh DTLCP, đã được chứng nhận an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học, được cấp chứng nhận VietGAHP, GlobalGAP hoặc được chính quyền cơ sở, cơ quan thú y địa phương xác nhận đáp ứng đủ yêu cầu an toàn dịch bệnh để tái đàn, tăng đàn.

*** Hai là yêu cầu đối với cơ sở nuôi tái đàn lợn:**

- Tổ chức, cá nhân chăn nuôi lợn phải kê khai với chính quyền cơ sở trước khi thực hiện việc nuôi tái đàn lợn, tăng đàn theo quy định của [Luật Chăn nuôi](#) và Thông

tư số [23/TT-BNNPTNT](#), ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Có biểu mẫu kèm theo*).

- Có chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, con giống, thức ăn nước uống, chăm sóc, nuôi dưỡng, vệ sinh thú y và các biện pháp quản lý cơ sở chăn nuôi theo các quy định của pháp luật về chăn nuôi, thú y hoặc đã được chứng nhận cơ sở an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, VietGAHP, GlobalGAP.

- Định kỳ lấy mẫu môi trường, nước, chất thải,... xét nghiệm khẳng định không có vi rút DTLCP đối với các cơ sở chăn nuôi có quy mô lớn.

*** Ba là các bước nuôi tái đàn lợn:**

- Nuôi chỉ báo với số lượng hợp lý, phù hợp với công suất nuôi của cơ sở để bảo đảm không có dịch bệnh tái phát trong khoảng thời gian ít nhất 21 ngày.

- Hằng ngày theo dõi, giám sát chặt chẽ số lợn nuôi chỉ báo trong thời gian ít nhất 21 ngày; trường hợp cần thiết lấy mẫu xét nghiệm phát hiện mầm bệnh DTLCP (*chủ cơ sở có thể tự lấy dưới sự giám sát của cán bộ thú y hoặc cán bộ thú y cơ sở thực hiện việc lấy mẫu*). Trường hợp nghi lợn bị bệnh, phải khai báo ngay cho chính quyền, cơ quan thú y và áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch bệnh theo quy định.

- Sau khi nuôi chỉ báo ít nhất 21 ngày, nếu lợn không có biểu hiện bệnh hoặc mẫu xét nghiệm cho kết quả âm tính với bệnh DTLCP (*áp dụng đối với trường hợp lấy mẫu xét nghiệm*), thực hiện nuôi tái đàn thận trọng và có thể nuôi đạt 100% quy mô chăn nuôi của cơ sở.

3. Phòng Kinh tế xã, nhân viên thú y xã và Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp xã:

Tổ chức kiểm tra, xác nhận điều kiện nuôi tái đàn; tăng cường việc hướng dẫn, kiểm tra, giám sát tình hình chăn nuôi và công tác phòng, chống dịch bệnh. Hướng dẫn chăn nuôi an toàn sinh học, khử trùng tiêu độc, tổng hợp thống kê đàn vật nuôi.

4. Trung tâm Văn hóa - Thể thao – DV và TT xã:

Tuyên truyền sâu rộng người dân nắm được về việc kê khai đàn vật nuôi, khử trùng tiêu độc, tái đàn lợn trên toàn xã phải gắn liền với chăn nuôi heo an toàn sinh học, không tái đàn ồ ạt, mất kiểm soát dễ làm phát sinh dịch bệnh; trong ngăn chặn và giảm thiệt hại do Dịch tả lợn Châu phi gây ra.

Trên đây là Hướng dẫn về điều kiện tái đàn lợn trong và sau thời gian có dịch bệnh Dịch tả lợn Châu phi, Ủy ban nhân dân xã Đăk Hà yêu cầu các phòng, ban, đơn vị liên quan và ban quản lý thôn, tổ dân phố nghiêm túc triển khai, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên (t/h);
- TT Đảng ủy xã (b/c);
- TT HĐND xã (b/c);
- UBND xã Đắk Mar, Đắk Pxi, Đắk Ui, Ngọc Réo (p/h);
- CT, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT xã.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phụ lục II
HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BIỆN PHÁP AN TOÀN SINH HỌC
CHO CƠ SỞ CHĂN NUÔI LỢN

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng áp dụng

Cơ sở chăn nuôi lợn quy mô nông hộ và trang trại trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Giải thích từ ngữ

An toàn sinh học trong chăn nuôi lợn là tổng hợp các biện pháp kỹ thuật và quản lý được áp dụng nhằm ngăn ngừa và hạn chế sự lây nhiễm của các tác nhân gây bệnh có khả năng gây hại đến con người, vật nuôi và hệ sinh thái.

3. Nguyên tắc thực hiện an toàn sinh học trong cơ sở chăn nuôi

Nguyên tắc chung của an toàn sinh học là thực hiện đầy đủ 3 nội dung: cách ly, làm sạch và khử trùng.

3.1. Cách ly là các biện pháp nhằm ngăn chặn, phòng ngừa các tác nhân gây bệnh (mầm bệnh) từ bên ngoài xâm nhập vào cơ sở chăn nuôi lợn hoặc từ cơ sở chăn nuôi lợn (nếu có) ra môi trường bên ngoài. Việc cách ly bao gồm cả việc xây dựng chuồng, trại chăn nuôi tại địa điểm hợp lý, đúng quy định; quản lý con người, động vật, các vật tư, thiết bị, phương tiện đi lại, vận chuyển và dựng hàng rào vật lý hoặc thực hiện nghiêm túc các quy định (về khoảng cách, thời gian trống chuồng, thay giày dép, áo quần, ra vào của người, các vật tư, thiết bị và phương tiện, động vật...) nhằm ngăn chặn nguồn bệnh từ khu vực bên ngoài xâm nhập vào khu vực chăn nuôi và ngược lại.

3.2. Làm sạch là các hoạt động vệ sinh thường xuyên trong khu vực chăn nuôi nhằm loại bỏ bụi bẩn và các tác nhân chứa mầm bệnh bám trên bề mặt các dụng cụ, thiết bị, sàn, tường, trần nhà, xung quanh chuồng,... Việc vệ sinh làm sạch đúng cách sẽ có khả năng loại bỏ hầu hết các tác nhân gây bệnh.

3.3. Khử trùng, tiêu độc là các hoạt động nhằm tiêu diệt các tác nhân gây bệnh còn lại sau khi đã tiến hành làm sạch. Thời gian tiếp xúc có hiệu quả của chất khử trùng với bề mặt cần khử trùng tối thiểu là 10 phút.

Chương II
YÊU CẦU VỀ AN TOÀN SINH HỌC
TRONG CHĂN NUÔI NÔNG HỘ

1. Yêu cầu về chuồng nuôi, khu vực chăn nuôi

1.1. Tách biệt với nhà ở, thoáng mát về mùa hè, ấm về mùa đông, tránh mưa tạt, gió lùa.

1.2. Kiểm soát chặt chẽ người, động vật và phương tiện ra vào khu vực chăn

nuôi; chuồng nuôi phải dễ thực hiện các biện pháp vệ sinh, khử trùng, tiêu độc, phòng bệnh; có biện pháp ngăn ngừa côn trùng, chuột, động vật gây hại khác xâm nhập.

1.3. Được phân thành các ô chuồng phù hợp cho lợn nái, lợn thịt, lợn đực giống.

1.4. Tại lối ra vào chuồng nuôi phải bố trí hố khử trùng, thay bảo hộ lao động cho người ra, vào khu vực chăn nuôi.

1.5. Nên có ô chuồng nuôi cách ly: nuôi lợn mới nhập hoặc nuôi lợn bị bệnh.

1.6. Có khu vực thu gom và xử lý chất thải; có các biện pháp xử lý chất thải phù hợp (biogas, ủ phân, xử lý mùi bằng chế phẩm sinh học).

1.7. Đường thoát nước thải từ chuồng nuôi đến khu xử lý chất thải đảm bảo kín. Nước thải từ dãy chuồng nào thoát riêng theo dãy chuồng đó ra đường thoát nước đến khu vực xử lý.

1.8. Có biện pháp phòng chống thiên tai, hỏa hoạn.

2. Yêu cầu về con giống

2.1. Lợn giống phải có nguồn gốc rõ ràng, khỏe mạnh, đảm bảo chất lượng, đã được tiêm phòng các loại vắc xin theo quy định.

2.2. Đối với lợn nhập từ ngoài tỉnh phải có Giấy chứng nhận kiểm dịch, nuôi cách ly ít nhất 14 ngày trước khi nhập đàn.

3. Yêu cầu về chăm sóc, nuôi dưỡng và vệ sinh chăn nuôi

3.1. Yêu cầu về chăm sóc

Tùy vào đối tượng, mục đích chăn nuôi bố trí ô chuồng đáp ứng yêu cầu về mật độ nuôi giữ và tập tính sinh học của lợn.

3.2. Yêu cầu về thức ăn

a) Thức ăn mua về phải có nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo chất lượng và an toàn: không bị mốc, đóng vón. Khi nhập thức ăn hay nguyên liệu thức ăn phải ghi chép đầy đủ các thông tin về số lượng, tên hàng, ngày sản xuất, hạn sử dụng.

b) Thức ăn, nguyên liệu thức ăn dự trữ trong kho có đủ diện tích, độ thông thoáng hạn chế tối đa nhiễm bẩn, bụi từ bên ngoài và ngăn ngừa sự xâm nhập, phá hoại của động vật gây hại. Khu vực chế biến, các trang thiết bị, vật dụng tiếp xúc trực tiếp với thức ăn phải vệ sinh sạch sẽ để tránh nhiễm bẩn, nhiễm chéo. Đặc biệt là mẻ trộn thức ăn có thuốc và không có thuốc, nên trộn mẻ không chứa thuốc trước, mẻ chứa thuốc sau. Ghi vào sổ nhật ký sản xuất và lưu trữ hồ sơ tất cả các công thức trộn, trình tự trộn và người phụ trách trộn.

Trường hợp sử dụng thức ăn tận dụng phải được xử lý nhiệt trước khi cho ăn. Không cho lợn ăn thức ăn thừa trong máng ăn của đàn lợn đã xuất chuồng hay thức ăn của đàn lợn bị ốm hoặc nghi bị ốm.

3.3. Yêu cầu về nước

a) Nước uống: nên có nguồn cấp riêng để dễ dàng thực hiện các biện pháp xử lý. Nguồn nước uống phải sạch, an toàn, hợp vệ sinh. Thường xuyên kiểm tra để đảm bảo bồn chứa nước, hệ thống cấp nước không bị hỏng, không bị rò rỉ, không bị ô nhiễm do bụi, chất bẩn.

b) Nước dùng để tắm, rửa, vệ sinh: có thể sử dụng nước máy, nước giếng khoan. Không được sử dụng nước ao bị nhiễm khuẩn hoặc nước thải sinh hoạt.

3.4. Yêu cầu về vệ sinh chăn nuôi

a) Yêu cầu chung: khu vực chăn nuôi, máng ăn, máng uống, thiết bị, dụng cụ và phương tiện phục vụ trong chăn nuôi phải được vệ sinh, khử trùng, tiêu độc thường xuyên; quá trình vệ sinh khử trùng, tiêu độc phải tuân thủ 6 bước sau:

Bước 1: vệ sinh khô để loại bỏ đi nhiều nhất có thể các chất thải, vật chất hữu cơ khỏi khu vực chăn nuôi, phương tiện, dụng cụ cần vệ sinh.

Bước 2: làm ẩm và phun chất tẩy rửa lên bề mặt để làm mềm, bong các vật chất hữu cơ, màng sinh học để tẩy rửa.

Bước 3: rửa bằng máy phun áp lực cao để làm sạch, tẩy rửa các chất hữu cơ, chất tẩy rửa còn sót lại.

Bước 4: để khô nhằm tránh sự pha loãng chất sát trùng khi sử dụng.

Bước 5: phun dung dịch khử trùng, tiêu độc sau khi đã được pha đúng liều, đúng cách theo chỉ định, hướng dẫn của nhà sản xuất.

Bước 6: để khô, tránh pha loãng chất sát trùng vừa phun và để chúng phát huy tác dụng.

b) Hạn chế tối đa người ngoài ra, vào khu vực chuồng nuôi. Trước và sau khi vào, ra khu chăn nuôi phải thay bảo hộ lao động, sát trùng tay, nhúng ủng hoặc giày, dép vào hồ khử trùng. Chất sát trùng tại các hồ sát trùng ở cổng ra vào khu chăn nuôi, chuồng nuôi phải bổ sung hoặc thay hàng ngày, cần thay đổi các loại chất sát trùng để tăng hiệu quả sát trùng. Phải vệ sinh máng ăn, máng uống hàng ngày. Thiết bị, dụng cụ và phương tiện phục vụ trong chăn nuôi phải được khử trùng, tiêu độc thường xuyên.

c) Định kỳ phát quang bụi rậm, khơi thông và vệ sinh cống rãnh ngoài chuồng nuôi; phun thuốc sát trùng xung quanh khu chăn nuôi.

d) Sau mỗi đợt nuôi phải làm vệ sinh, khử trùng, tiêu độc chuồng, dụng cụ chăn nuôi và để trống chuồng ít nhất 7 ngày trước khi đưa lợn vào nuôi. Trong trường hợp chuồng nuôi bị dịch, nếu tái đàn nên để trống chuồng ít nhất 30 ngày và được sự đồng ý của chính quyền địa phương.

4. Thu gom và xử lý chất thải

4.1. Chất thải rắn có nguồn gốc hữu cơ trong chăn nuôi nông hộ được xử lý bằng một hoặc một nhóm các biện pháp sau: ủ compost, công nghệ khí sinh học (biogas), chế phẩm sinh học, đệm lót sinh học hoặc các giải pháp khác để sử dụng cho cây trồng và không gây ô nhiễm cho môi trường.

4.2. Việc vận chuyển chất thải rắn có nguồn gốc hữu cơ chưa được xử lý ra khỏi cơ sở chăn nuôi phải thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4.3. Các chất thải lỏng phải được dẫn trực tiếp từ các chuồng nuôi đến khu xử lý bằng đường thoát riêng. Nước thải chăn nuôi trong chăn nuôi nông hộ được xử lý bằng một hoặc một nhóm các biện pháp sau: công nghệ khí sinh học, ao sinh học, chế phẩm sinh học hoặc các biện pháp khác được sử dụng cho cây trồng phải đảm bảo hạn chế phát sinh mùi hôi, thối và không để chảy tràn ra môi trường xung quanh.

4.4. Khuyến khích sử dụng chất thải chăn nuôi làm phân bón, tưới cho cây trồng sau khi đã xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật.

4.5. Giảm phát thải khí thải chăn nuôi bằng việc thực hiện vệ sinh chuồng nuôi thường xuyên, định kỳ và có biện pháp xử lý mùi hôi không gây ảnh hưởng đến môi trường chung.

4.6. Xác vật nuôi chết thông thường phải thu gom xử lý bằng việc nấu chín, ủ phân, chôn lấp theo quy định; vật nuôi chết vì dịch bệnh và chất thải nguy hại khác phải được xử lý theo quy định của pháp luật về thú y, bảo vệ môi trường.

5. Yêu cầu về ghi chép sổ sách

5.1. Thực hiện kê khai chăn nuôi theo quy định của pháp luật về chăn nuôi.

5.2. Ghi chép số lượng vật nuôi, loại, giống, sức khỏe, điều trị; các nguyên liệu vật tư đầu vào (thức ăn, thuốc thú y, chất độn chuồng...: số lượng, chất lượng, nguồn gốc,...); xuất, bán sản phẩm trong quá trình chăn nuôi (tham khảo mẫu 5).

5.3. Nếu có dịch bệnh phải báo ngay cho chính quyền địa phương.

Chương III

YÊU CẦU VỀ AN TOÀN SINH HỌC TRONG CHĂN NUÔI TRANG TRẠI

1. Yêu cầu về chuồng trại và khu phụ trợ chăn nuôi khác

1.1. Yêu cầu trại chăn nuôi

a) Vị trí, địa điểm

Vị trí xây dựng trang trại phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng, chiến lược phát triển chăn nuôi; đáp ứng yêu cầu về mật độ chăn nuôi theo quy định của UBND tỉnh; nơi xây dựng trang trại phải có đủ nguồn nước bảo đảm chất lượng cho hoạt động chăn nuôi và xử lý chất thải chăn nuôi.

Có biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Trại chăn nuôi phải có tường hoặc hàng rào bao quanh nhằm kiểm soát được người và động vật ra vào trại.

Có bảng nội quy quy định việc ra vào trại cho người làm và khách tham quan trại; nêu ra những qui định thực thi cụ thể và áp dụng trong trang trại chăn nuôi lợn (tham khảo Mẫu 1).

Cổng ra vào trại chăn nuôi, khu chuồng nuôi và tại lối ra vào mỗi dãy chuồng nuôi phải bố trí hồ khử trùng.

Trại chăn nuôi phải bố trí riêng biệt các khu: khu chăn nuôi; khu vệ sinh, sát trùng thiết bị chăn nuôi; khu tắm rửa, khử trùng, thay quần áo cho công nhân và khách thăm quan; khu cách ly lợn ốm; khu mổ khám lâm sàng và lấy bệnh phẩm; khu tập kết và xử lý chất thải; khu làm việc của cán bộ chuyên môn; các khu phụ trợ khác (nếu có).

Có phương án phòng chống thiên tai, hỏa hoạn, biến đổi khí hậu.

b) Khoảng cách: khoảng cách an toàn từ khu vực chăn nuôi trang trại đến đối tượng chịu ảnh hưởng của hoạt động chăn nuôi và từ nguồn gây ô nhiễm đến khu vực chăn nuôi trang trại.

1.3. Quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 5 Thông tư số 18/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023; Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi.

1.2. Yêu cầu chuồng nuôi và khu phụ trợ khác

a) Chuồng nuôi

Chuồng nuôi lợn xây dựng ở địa điểm cao ráo, dễ thoát nước, dễ làm vệ sinh và đảm bảo luôn khô ráo, thoáng mát về mùa hè, ẩm áp về mùa đông.

Chuồng nuôi lợn phải bố trí phù hợp với từng lứa tuổi của lợn và mục đích sản xuất. Nền chuồng hoặc sàn chuồng bằng bê tông (hoặc có thể bằng nhựa, bằng gang đối với lợn nái nuôi con, lợn con sau cai sữa đến 30 kg) và phải đảm bảo không trơn trượt và phải có rãnh thoát nước đối với chuồng sàn, có độ dốc đối với chuồng nền. Vách chuồng phải nhẵn, không có góc sắc, đảm bảo lợn không bị trầy xước khi cọ sát vào vách chuồng.

Khoảng cách giữa các khu chuồng nuôi, các dãy chuồng nuôi cách nhau ít nhất là 10 mét.

Mật độ nuôi phù hợp với từng lứa tuổi của lợn và mục đích sản xuất (tham khảo Mẫu 2).

b) Khu phụ trợ khác

Có khu vực vệ sinh, khử trùng, thay trang phục bảo hộ riêng (quần áo, giày, dép, ủng) cho người chăn nuôi và khách thăm quan đảm bảo cách biệt an toàn với khu chuồng nuôi lợn.

Có khu cách ly đối với lợn mới nhập, lợn ốm cách biệt an toàn với khu chuồng nuôi lợn.

Có khu vực thu gom và xử lý chất thải (nơi ủ phân, biogas) đảm bảo cách biệt với khu chuồng nuôi lợn và phù hợp với điều kiện của trang trại. Xây dựng đường thoát nước thải riêng cho từng ô chuồng vào đường thoát nước thải chung của chuồng nuôi. Đường thoát nước thải từ chuồng nuôi đến khu xử lý chất thải phải đảm bảo kín và dễ thoát nước thải.

Có các khu vực phụ trợ như khu vực nhập và xuất lợn riêng biệt, bể chứa nước sạch, khu vực để thức ăn, thuốc thú y, hóa chất cách biệt với các khu chuồng nuôi lợn và các khu vực khác, đảm bảo dễ vệ sinh và khử trùng.

Không nên sử dụng chung trang thiết bị, dụng cụ chăn nuôi giữa các dãy chuồng.

Với phương thức chăn nuôi chuồng kín: chuồng nuôi cần bố trí quạt hút gió, giàn mát, đèn chiếu sáng và các trang thiết bị liên quan đảm bảo yêu cầu về ánh sáng, chống nóng, chống lạnh và lưu thông không khí hiệu quả cho chuồng nuôi. Bố trí hệ thống quạt hút gió không thổi không khí của chuồng này vào chuồng khác.

Với phương thức chăn nuôi chuồng hở: sử dụng lưới hoặc bạt bao xung quanh chuồng nuôi để ngăn chặn côn trùng, động vật gây hại.

2. Yêu cầu về con giống

2.1. Lợn giống: lợn mới được nhập về nuôi phải khỏe mạnh có nguồn gốc rõ ràng và an toàn dịch bệnh (lợn đã được nuôi giữ tại cơ sở giống ít nhất 30 ngày trước đó; không xuất hiện trường hợp nào mắc 04 bệnh: dịch tả lợn Châu Phi, dịch tả lợn cổ điển, hội chứng rối loạn hô hấp và sinh sản ở lợn, lở mồm long móng trong thời gian 03 tháng). Đối với lợn giống để nuôi sinh sản và nhân giống phải có đầy đủ bản công bố tiêu chuẩn chất lượng và hồ sơ giống theo quy định. Nên áp dụng phương thức quản lý "cùng vào-cùng ra" theo thứ tự ưu tiên: cả khu, dãy chuồng, ô chuồng; đối với lợn nhập từ ngoài tỉnh phải có Giấy chứng nhận kiểm dịch. Lợn trước khi nhập đàn phải được nuôi ở khu cách ly ít nhất 14 ngày.

2.2. Tinh dịch lợn: phải đảm bảo có nguồn gốc rõ ràng, được khai thác từ những lợn đực giống khỏe mạnh (lợn đực khai thác tinh đã được nuôi giữ tại cơ sở giống ít nhất 30 ngày trước đó; không xuất hiện trường hợp nào mắc 04 bệnh: dịch tả lợn Châu Phi, dịch tả lợn cổ điển, hội chứng rối loạn hô hấp và sinh sản ở lợn, lở mồm long móng trong thời gian 03 tháng), đạt tiêu chuẩn giống, có đầy đủ lý lịch và các hồ sơ quản lý giống theo đúng quy định.

3. Yêu cầu về thức ăn, nước uống

3.1. Thức ăn

a) Chỉ sử dụng thức ăn có nguồn gốc rõ ràng, đầy đủ dinh dưỡng, phù hợp giống, lứa tuổi của lợn; không bị vón, mốc và còn hạn sử dụng, đảm bảo chất lượng và an toàn. Nên bổ sung chế phẩm sinh học để tăng khả năng tiêu hóa cho lợn.

b) Bảo quản thức ăn: bảo quản trong kho, hoặc silo chuyên dụng. Kho hoặc silo có đủ diện tích, độ thông thoáng để đảm bảo chất lượng thức ăn trong quá trình bảo quản; không có nguy cơ nhiễm các chất độc hại vào thức ăn; hạn chế tối đa nhiễm bẩn, bụi từ bên ngoài; ngăn ngừa sự xâm nhập, phá hoại của động vật gây hại. Thức ăn hỗn hợp và nguyên liệu thức ăn phải xếp riêng từng loại và có kệ cao hơn mặt nền tối thiểu 20 cm và cách tường 20 cm. Kho phải luôn được vệ sinh sạch sẽ. Không để thuốc sát trùng, thuốc bảo vệ thực vật, xăng, dầu, hóa chất... trong kho.

Khi trộn thức ăn phải vệ sinh sạch sẽ để tránh tạp nhiễm từ mẻ trộn này sang mẻ khác, đặc biệt là mẻ trộn chứa thuốc và không chứa thuốc. Nên trộn mẻ không chứa thuốc trước, mẻ chứa thuốc sau.

c) Sử dụng thức ăn theo trình tự “thức ăn vào trước - ra trước”.

d) Có biện pháp phòng chống chuột, gặm nhấm, chim tiếp xúc với thức ăn.

e) Ghi vào sổ nhật ký sản xuất và lưu trữ hồ sơ tất cả ngày, số lượng, chất lượng nguyên liệu, thức ăn nhập, xuất; nếu thức ăn tự trộn: các công thức trộn, trình tự trộn và người phụ trách trộn.

3.2. Nước uống

a) Trang trại phải có đủ nguồn nước sạch để sử dụng cho người và vật nuôi.

b) Phải định kỳ lấy mẫu nước uống phân tích để đảm bảo theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng. Trong trường hợp bất khả kháng, phải lắp đặt hệ thống lọc kim loại nặng và sát khuẩn.

c) Nước uống phải được chứa trong bồn hoặc trong bể có nắp đậy; có tấm chống nắng, dẫn vào chuồng nuôi bằng hệ thống ống nhựa đảm bảo chắc chắn, an toàn. Thường xuyên kiểm tra hệ thống cấp nước từ đầu nguồn đến máng uống.

d) Luôn cho lợn uống nước sạch, uống tự do theo nhu cầu.

4. Yêu cầu về chăm sóc nuôi dưỡng

4.1. Tổ chức sản xuất theo nguyên tắc “cùng vào - cùng ra” đối với từng ô chuồng, dãy chuồng lợn.

4.2. Kiểm tra: theo dõi chặt chẽ lượng thức ăn tiêu thụ; hành vi, tập tính bình thường của lợn để đánh giá sức khỏe của vật nuôi, phát hiện kịp thời lợn ốm. Cần theo dõi sức khỏe hàng ngày, khi lợn ốm cần được đánh dấu và điều trị càng sớm càng tốt, cách ly lợn ốm ở ô chuồng riêng để điều trị.

5. Yêu cầu về vệ sinh chăn nuôi

5.1. Trước khi chăn nuôi

a) Đảm bảo chuồng nuôi, hệ thống máng ăn, bát che, trần nhà ... được vệ sinh, khử trùng, tiêu độc nghiêm ngặt và chỉ nhập lợn sau 03 ngày tiêu độc, khử trùng.

b) Phun khử trùng tại cổng bằng hóa chất đối với tất cả các dụng cụ, trang thiết bị chăn nuôi. Các loại thức ăn, thuốc thú y, chế phẩm ... được đóng gói trong bao bì kín không ngâm nước, trước khi đưa vào trang trại. Sau ít nhất 30 phút mới đưa vào kho hoặc khu vực chứa dụng cụ. Sau ít nhất 48 giờ mới đưa vào sử dụng trong chăn nuôi. Sau mỗi lần sử dụng nên tiến hành rửa sạch bằng nước, để khô và phun thuốc khử trùng trước khi cất vào kho hoặc khu vực chứa dụng cụ.

5.2. Trong quá trình chăn nuôi

a) Hóa chất khử trùng tại các hồ khử trùng (hoặc giàn phun khử trùng) ở cổng ra vào khu chăn nuôi, chuồng nuôi phải bổ sung hoặc thay hàng ngày, cần thay đổi các loại hóa chất khử trùng khác nhau để tăng hiệu quả khử trùng.

b) Định kỳ phun thuốc khử trùng xung quanh khu chăn nuôi, chuồng nuôi ít nhất 2 lần/tuần; phun thuốc khử trùng trong chuồng nuôi ít nhất 1 lần/tuần khi không có dịch bệnh bằng các dung dịch khử trùng thích hợp theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

c) Diệt ruồi, muỗi và chuột trong và ngoài chuồng nuôi: sử dụng thuốc phun diệt ruồi, muỗi định kỳ 3 tháng/1 lần. Sử dụng thuốc diệt chuột định kỳ 3 tháng/1 lần và tại các chuồng sau khi đã chuyển hết lợn. Diệt ruồi, muỗi và chuột bổ sung giữa các đợt khi có ruồi, muỗi, chuột phát sinh trong và ngoài chuồng nuôi.

d) Đối với nguồn nước sử dụng trong chăn nuôi lợn định kỳ kiểm tra chất lượng nước sử dụng tại đầu vào và đầu ra của nguồn nước.

đ) Định kỳ phát quang bụi rậm, khơi thông và vệ sinh cống rãnh ngoài chuồng nuôi ít nhất 2 lần/tháng.

e) Phải vệ sinh máng ăn, máng uống hàng ngày.

g) Vệ sinh, khử trùng thường xuyên đồ bảo hộ và các dụng cụ chăn nuôi, thú y sau khi sử dụng.

5.3. Sau khi chăn nuôi

a) Sau mỗi đợt nuôi phải làm vệ sinh, tiêu độc khử trùng chuồng, dụng cụ chăn nuôi và để trống chuồng ít nhất 7 ngày trước khi đưa lợn mới vào nuôi.

b) Đối với các dụng cụ, trang thiết bị chăn nuôi sau mỗi đợt nuôi

Dụng cụ chăn nuôi như tấm đan, máng ăn, núm uống, ổ úm ...: tháo rời các bộ phận, rửa bằng nước sạch với áp lực cao, vệ sinh sạch các chất hữu cơ bằng chất tẩy rửa, ngâm hóa chất khử trùng trong 60 phút, rửa lại bằng nước sạch và làm khô.

Giàn mát (đối với phương thức nuôi chuồng kín): phun chất tẩy rửa làm ướt

toàn bộ giàn mát, sau 30 phút rửa sạch bằng nước và làm khô, pha hóa chất khử trùng vào bể nước và chạy giàn mát liên tục trong 12 giờ.

Dụng cụ bằng gỗ, nhựa, bạt phủ ...: rửa sạch bằng nước với áp lực cao và làm khô. Ngâm thuốc hóa chất khử trùng trong 60 phút và rửa lại bằng nước sạch, sau đó làm khô dụng cụ.

Hệ thống chứa và dẫn nước: vệ sinh sạch toàn bộ hệ thống chứa và dẫn nước. Thực hiện ngâm toàn bộ hệ thống chứa và dẫn nước cho lợn sử dụng với dung dịch khử trùng trong 12 giờ, sau đó xúc xả bằng nước sạch.

Các thiết bị điện, quạt, máy bơm, mô tơ ...: tháo rời và vệ sinh sạch sẽ các bộ phận. Khử trùng bằng hóa chất phù hợp không ăn mòn thiết bị. Có thể xông bằng formol hoặc chiếu tia UV, UVC nếu có điều kiện.

Đối với phương thức nuôi chuồng kín: có thể xông formol + Thuốc tím toàn bộ chuồng nuôi và các dụng cụ, trang thiết bị từ 12-24 giờ.

6. Yêu cầu về môi trường và xử lý chất thải chăn nuôi

Chất thải rắn có nguồn gốc hữu cơ trong chăn nuôi trang trại phải thu gom, vận chuyển đến vị trí tập trung trong khuôn viên cơ sở chăn nuôi trang trại và xử lý theo quy định đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường. Việc thu gom chất thải rắn có nguồn gốc hữu cơ được thực hiện hàng ngày đối với cơ sở chăn nuôi chuồng nền, thu gom theo đợt đối với cơ sở chăn nuôi sử dụng đệm lót sinh học. Vị trí tập trung chất thải rắn trong khuôn viên cơ sở chăn nuôi trang trại để xử lý phải xa khu chuồng nuôi, xa nơi cấp nước, khu vực kho thức ăn chăn nuôi. Nước thải chăn nuôi phải thu gom bằng hệ thống riêng để xử lý.

6.1. Xử lý chất thải rắn có nguồn gốc hữu cơ

a) Chất thải rắn có nguồn gốc hữu cơ trong chăn nuôi trang trại đã qua xử lý đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được sử dụng cho cây trồng hoặc làm thức ăn cho thủy sản; trong thời gian chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, việc xử lý chất thải rắn có nguồn gốc hữu cơ thực hiện theo hướng dẫn của các cơ quan quản lý chuyên ngành.

b) Việc vận chuyển chất thải rắn có nguồn gốc hữu cơ chưa được xử lý ra khỏi cơ sở chăn nuôi thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

6.2. Xử lý nước thải chăn nuôi

a) Nước thải chăn nuôi trong trang trại đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng, được sử dụng tưới cho cây trồng. Việc sử dụng nước thải chăn nuôi phải đảm bảo hạn chế phát sinh mùi hôi, thối và không để chảy tràn ra môi trường xung quanh.

b) Nước thải chăn nuôi xả ra nguồn tiếp nhận nước thải sử dụng chung phải đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi hiện hành.

6.3. Xử lý xác lợn chết thông thường

- a) Nghiêm cấm vớt xác vật nuôi ra ngoài môi trường.
- b) Trước khi tiêu hủy phải làm chết lợn bằng điện hoặc phương pháp khác (nếu có).
- c) Biện pháp thực hiện

Chôn lấp: hố chôn phải đủ rộng phù hợp với khối lượng động vật, sản phẩm động vật, chất thải cần chôn. Thực hiện nghiêm ngặt theo hướng dẫn của cơ quan chăn nuôi và thú y.

Đốt: đốt bằng lò chuyên dụng hoặc đốt thủ công bằng cách đào hố, cho bao chứa xác động vật, sản phẩm động vật vào hố và đốt bằng củi, than, rơm, rạ, xăng, dầu.

6.4. Chế phẩm sinh học

Khuyến khích sử dụng chế phẩm sinh học, ứng dụng tiên bộ công nghệ, kỹ thuật mới trong quá trình xử lý chất thải chăn nuôi.

7. Yêu cầu về kiểm soát người và động vật ra vào khu vực chăn nuôi

7.1. Quản lý con người, thực phẩm và vật dụng

a) Người trực tiếp làm công việc chăn nuôi phải hạn chế ra ngoài đến mức thấp nhất; phải được đào tạo và nghiêm túc thực hiện an toàn sinh học và quy trình chăn nuôi; được cung cấp đầy đủ thiết bị bảo hộ bao gồm giày/ ủng, khẩu trang, găng tay và quần áo bảo hộ.

b) Chỉ được đem thức ăn nấu chín vào trại và phải để tại khu nhà ăn; không mang thực phẩm có nguồn gốc từ thịt lợn vào trong trại.

c) Các thiết bị, dụng cụ đưa vào khu chăn nuôi phải khử trùng bằng hoá chất phù hợp không ăn mòn thiết bị, dụng cụ. Có thể xông bằng formol hoặc chiếu tia UV, UVC nếu có điều kiện. Mỗi dãy chuồng có bộ dụng cụ, thiết bị được sơn màu khác nhau và không đem dụng cụ từ dãy chuồng này sang dãy chuồng khác.

7.2. Khách vào trại

a) Khách có kế hoạch vào trại phải đăng ký tên vào sổ của bảo vệ; đảm bảo không tiếp xúc với lợn và thịt lợn sống 72 giờ trước khi vào trại; không được vào trại khi lợn trong trại đang bị bệnh; phải tuân thủ theo quy định an toàn sinh học của trại.

b) Không được mang vật khó sát trùng hoặc không cần thiết vào trại (như nhẫn, đồng hồ...). Ngay khi vào cổng trại, phải tắm rửa, sát trùng sạch sẽ, thay giày/ ủng và sử dụng giày/ ủng của trại; dẫm giày/ ủng vào hố sát trùng (dung dịch sát trùng hay vôi bột); sát trùng tay...

Trường hợp cán bộ chuyên ngành cần vào trại để làm việc, phải báo trước và phải được tắm gội, thay quần áo, giày dép; mặc quần áo, dụng cụ bảo hộ của trại.

Trước khi vào các chuồng nuôi phải nhúng ủng hoặc giày dép vào hồ khử trùng. Nếu trại đang trong thời gian cách ly để phòng, chống dịch, nhân viên trong trại sử dụng công nghệ số để hợp tác, hỗ trợ cho cán bộ chuyên ngành thực thi nhiệm vụ.

7.3. Kiểm soát các loài vật gây hại

a) Sử dụng hệ thống lưới, màn che ngăn côn trùng: ve, ruồi, muỗi; dụng cụ nhử, bắt/điệt côn trùng, ruồi, muỗi, chim, chuột trong khu vực trang trại.

b) Định kỳ đặt bẫy chuột, loài gặm nhấm trong trại, ưu tiên sử dụng các biện pháp sinh học an toàn trong hoạt động này như bả sinh học, bẫy cơ học.

c) Không nuôi gia súc, gia cầm khác trong trang trại. Không cho động vật nuôi khác (chó, mèo, thú cưng) xâm nhập trang trại và khu chuồng nuôi.

7.4. Kiểm soát phương tiện vận chuyển ra vào trại

a) Các phương tiện không có phận sự không được phép vào khuôn viên trại. Xe vận chuyển thức ăn, con giống, thiết bị... phải được vệ sinh, sát trùng sạch sẽ, đặc biệt là các bánh xe, gầm và nóc xe trước khi vận chuyển ngay tại cổng trại. Xe vận chuyển và các dụng cụ trong trại chỉ đi lại trong nội bộ trại, không được ra ngoài.

b) Khu vực xuất nhập lợn: vệ sinh, sát trùng khu vực xuất/nhập lợn, đặc biệt là trước và sau mỗi lần xuất - nhập. Hệ thống nước thải từ khu vực xuất - nhập không được chảy hòa chung vào hệ thống nước thải của các dãy chuồng nuôi lợn.

8. Yêu cầu về ghi chép

8.1. Thực hiện kê khai theo quy định của pháp luật về chăn nuôi.

8.2. Ghi chép số lượng vật nuôi, loại, giống, sức khỏe, điều trị, xuất, bán sản phẩm trong quá trình chăn nuôi (tham khảo Mẫu 5).

8.3. Nếu có dịch bệnh phải báo ngay cho chính quyền địa phương.

Lưu giữ hồ sơ trong thời gian tối thiểu là 01 năm sau khi kết thúc chu kỳ chăn nuôi.

9. Yêu cầu về đào tạo, tập huấn

Cần có tài liệu tập huấn về an toàn sinh học trong chăn nuôi. Thực hiện đào tạo về an toàn sinh học trong chăn nuôi cho tất cả người lao động tại cơ sở chăn nuôi.

Một số nội dung chi tiết được hướng dẫn tại các Mẫu kèm theo

STT	Tên mẫu
1	Nội quy an toàn sinh học
2	Diện tích tối thiểu cho từng loại lợn
3	Nhu cầu nước uống cho lợn
4	Lịch tiêm phòng vắc xin, hóa dược
5	Một số biểu mẫu hướng dẫn ghi chép theo dõi quá trình chăn nuôi lợn

Mẫu 1:

NỘI QUY AN TOÀN SINH HỌC

Nội quy an toàn sinh học: nêu ra những qui định thực thi cụ thể và áp dụng trong trang trại chăn nuôi lợn.

- **Khu trung gian:** khu sinh hoạt dành cho cán bộ công nhân viên và cho tất cả mọi người vào ở cách ly từ 24 - 48 giờ trước khi vào khu vực nuôi heo. Một người khi đi vào khu trung gian thì không nên đi ngược lại ra khu vực cổng trại hoặc bãi để xe nếu muốn đi vào khu vực chuồng nuôi. Nếu đi ra khu vực ngoài cổng bảo vệ điều đó có nghĩa là phải thực hiện lại cách ly từ ban đầu khi đi vào trại chăn nuôi.

- **Khu vực sạch:** khu vực được bảo vệ khỏi sự xâm nhập của mầm bệnh, mọi vật và trang thiết bị, con người muốn vào khu vực này đều phải được sát trùng kỹ lưỡng trước khi vào khu vực này.

- **Khu vực bẩn:** nơi nguy cơ tiếp xúc với các mầm bệnh truyền nhiễm do vi khuẩn, virus và các hóa chất độc hại.

- **Đường ranh giới giữa khu vực bẩn và sạch:** đường phân chia vùng bẩn và vùng sạch.

- **Phòng tắm và phòng sát trùng các vật dụng, dụng cụ:** đây là vùng duy nhất mà tất cả mọi vật dụng có thể đi từ khu vực bẩn qua khu vực sạch.

Mẫu 2:
DIỆN TÍCH TỐI THIỂU KHUYẾN CÁO CHO TỪNG LOẠI LỢN NUÔI

STT	Loại lợn	Diện tích sàn (m²/con)
1	Lợn cái giống	
	- Lợn hậu bị	1,2-2,0
	- Lợn chờ phối và mang thai	2,0
	- Lợn nái nuôi con	4,0-4,5
2	Lợn đực giống	
	Lợn hậu bị	2,0
	Lợn đực làm việc	4,0
3	Lợn con sau cai sữa đến 30kg với lợn ngoại	0,4
4	Lợn thịt từ 30 kg đến xuất bán với lợn ngoại	0,8

Mẫu 3:
NHU CẦU NƯỚC UỐNG CHO LỢN

TT	Loại lợn	Nhu cầu nước uống (lít/con/ngày)
1	Lợn cái giống	
1.1	Lợn hậu bị	5 - 8
1.2	Lợn chờ phối	10 - 15
1.3	Lợn mang thai	11 - 25
1.4	Lợn nái nuôi con	20 - 35
2	Lợn đực giống	
2.1	Lợn hậu bị	5-8
2.2	Lợn đực làm việc	20 - 25
3	Lợn con sau cai sữa đến 30 kg	2-3
4	Lợn thịt (từ 30 kg đến xuất bán)	5-8

Mẫu 4:
TIÊM PHÒNG VẮC XIN, HOÁ DUỢC

TT	Loại vắc xin, hóa dược cần tiêm	Thời gian
1	Tiêm Sắt	Theo hướng dẫn của nhà sản xuất
2	Tiêm vitamin ADE	Định kỳ hàng tháng với lợn đực làm việc
3	Vắc xin phòng bệnh Cầu trùng lợn	Theo hướng dẫn của nhà sản xuất
4	Vắc xin phòng bệnh Suyễn lợn	Theo hướng dẫn của nhà sản xuất
5	Vắc xin phòng "Hội chứng tiêu chảy cấp, viêm dạ dày ruột" ở lợn	Theo hướng dẫn của nhà sản xuất
6	Vắc xin phòng các bệnh E.coli sung phù đầu, phó thương hàn, viêm ruột tiêu chảy ở lợn	Theo hướng dẫn của nhà sản xuất
9	Vắc xin phòng bệnh Tai xanh ở lợn (Hội chứng rối loạn hô hấp và sinh sản – PRRS)	- Định kỳ 4 tháng tiêm nhắc lại 1 lần với lợn nái mang thai, lợn đực làm việc
10	Vắc xin phòng bệnh Dịch tả lợn cổ điển	- Định kỳ tháng 3 và tháng 9 hàng năm với lợn đực làm việc
11	Vắc xin phòng bệnh Circovirus ở lợn (Hội chứng còi cọc, viêm da, viêm thận – PCV)	Theo hướng dẫn của nhà sản xuất
12	Vắc xin phòng các bệnh Viêm phổi phức hợp, phổi dính sườn; Liên cầu khuẩn lợn	Theo hướng dẫn của nhà sản xuất
13	Vắc xin phòng bệnh Lở mồm long móng ở lợn	Theo hướng dẫn của nhà sản xuất Định kỳ tháng 3 và tháng 9 hàng năm với lợn đực làm việc
14	Vắc xin phòng bệnh Tụ huyết trùng lợn, Đóng dấu lợn	Theo hướng dẫn của nhà sản xuất
15	Vắc xin phòng bệnh xảy thai do Parvovirus, bệnh Đóng dấu lợn và bệnh Xoắn khuẩn lợn	Theo hướng dẫn của nhà sản xuất Định kỳ tháng 3 và tháng 9 hàng năm với lợn đực làm việc
16	Tiêm Ivermectin (tẩy ký sinh trùng lợn)	- Định kỳ 6 tháng/lần với lợn đực làm việc và lợn nái

Lưu ý: Mỗi lần tiêm vắc xin có thể tiêm thêm thuốc chống sốt phản vệ, vitamin, thuốc bổ trợ sức khỏe.

Mẫu 5:
MỘT SỐ BIỂU MẪU THEO DÕI GHI CHÉP

Biểu 1: Theo dõi mua lợn giống

Ngày tháng mua lợn	Tên tổ chức/cá nhân bán lợn	Địa chỉ nơi bán	Tên giống lợn	Số lượng lợn mua	Tình trạng lợn	Tình hình tiêm phòng	
						Ngày tiêm vacxin	Loại vacxin

Biểu 2: Theo dõi nuôi tân đáo

Ngày	Số lợn	Nguồn gốc	Ngày tiêm phòng	Lấy mẫu huyết thanh	Triệu chứng (nếu có)	Thuốc, liều dùng	Số lần chữa trị trong ngày	Kết quả

Biểu 3: Theo dõi phối giống

Ngày	Sáng	Chiều	Nái			Đực		Lần phối	Người phối	Ghi chú
			Số thê	Giống	Lứa	Số thê	Giống			

Biểu 4: Ghi chép nhập nguyên liệu, thức ăn

Ngày tháng năm	Tên người nhập	Tên hàng	Số lượng (kg)	Cơ sở sản xuất	Ngày sản xuất	Hạn sử dụng	Đánh giá cảm quan

Biểu 5: Ghi chép xuất nguyên liệu, thức ăn

Ngày tháng năm	Tên người xuất	Tên hàng	Số lượng (kg)	Cơ sở sản xuất	Ngày sản xuất	Hạn sử dụng	Đánh giá cảm quan

Biểu 6: Theo dõi khách thăm quan

Số TT	Tên	Số điện	Địa	Ngày	Ngày đi	Ký tên	Ghi chú
-------	-----	---------	-----	------	---------	--------	---------

	khách	thoại	chỉ	đến			

Biểu 7: Kế hoạch sử dụng thuốc khử trùng vệ sinh, khử trùng và tiêu độc

Ngày tháng năm	Phương pháp	Tên thuốc khử trùng	Cơ sở/nhà sản xuất	Liều lượng	Cách dùng	Khuyến cáo/cảnh báo của thuốc	Ghi chú

Biểu 8: Ghi chép xuất bán lợn thịt thương phẩm

Ngày tháng năm	Loại lợn	Số lượng bán (con)	Khối lượng (kg)	Ngày tiêm phòng/trị bệnh lần cuối	Loại vắc xin/thuốc đã sử dụng	Ngày kết thúc điều trị/kết quả	Ghi chú

HƯỚNG DẪN KHỬ TRÙNG TIÊU ĐỘC

Vi rút bệnh Dịch tả heo châu Phi (ASF) có sức sống rất tốt, có thể tồn tại trong phân ẩm 122 ngày, nước tiểu 45 ngày, trong chuồng trại bị vấy nhiễm ít nhất 1 tháng, rất nhạy cảm với các chất sát trùng và các loại thuốc sát trùng chuồng trại. Khi chuồng trại bị vấy nhiễm vi rút dịch tả heo rất khó để tiêu diệt mầm bệnh hoàn toàn nếu vệ sinh và tẩy uế không đúng cách. Nếu người chăn nuôi thực hiện vệ sinh, sát trùng không đúng kỹ thuật, mầm bệnh có thể tồn tại và lây bệnh cho lứa sau. Vì vậy, cần tăng cường vệ sinh, tiêu độc sát trùng toàn bộ trang thiết bị, dụng cụ, chuồng trại và xung quanh chuồng nuôi liên tục trong vòng 1 tháng sau khi tiêu hủy toàn đàn heo nhằm ngăn chặn ASF tái bùng phát.

Nguyên tắc vệ sinh chuồng trại:

- Dọn dẹp từ trong ra ngoài;
- Làm sạch cơ học trước;
- Vệ sinh thực hiện từ nơi sạch đến nơi bẩn (không được làm ngược lại);
- Chỉ phun thuốc sát trùng khi đã làm sạch bề mặt chuồng trại và các dụng cụ chăn nuôi;

- Sau khi phun phải để khô hoàn toàn mới sử dụng.

Các bước để vệ sinh chuồng trại:

Bước 1: Vệ sinh sát trùng bên trong chuồng trại

- Tiến hành quét dọn, thu gom toàn bộ rác, chất thải chăn nuôi, phân, chất độn chuồng và tiêu hủy bằng cách đốt cháy hoàn toàn.

- Tất cả thức ăn, thực phẩm và sản phẩm động vật ở trong trại xảy ra dịch bệnh cũng phải được tiêu hủy bằng cách đốt.

- Tiến hành vệ sinh cơ học toàn bộ chuồng nuôi và khuôn viên trại. Phun sát trùng định kỳ 1 lần/ngày toàn bộ chuồng nuôi, khuôn viên trại, khu vực nhà ở cho công nhân.

- Bóng điện, dây điện tháo mang về lau sát trùng, tháo dỡ tấm đan mang ra bể ngâm.

- Rải vôi bột hoặc phun dung dịch vôi 1% lên toàn bộ bề mặt chuồng trại như nền chuồng, lối đi, hành lang, cổng trại, đường vào trại,... đảm bảo bề mặt phải được phủ trắng vôi.

- Đối với nền tường, rãnh thoát nước thải, máng ăn: Xịt rửa sạch bằng nước bằng vòi xịt áp lực, tẩy sạch bề mặt chúng bằng hóa chất có tính kiềm, sau đó xịt rửa sạch lại với nước và để khô tự nhiên.

Bước 2: Vệ sinh sát trùng dụng cụ chăn nuôi,...

- Tất cả các dụng cụ chăn nuôi phải được vệ sinh sát trùng kỹ để hạn chế tối đa dịch bệnh tái bùng phát cho lứa sau. Vứt bỏ và đốt tất cả quần áo được sử dụng trong

quá trình khử trùng. Đối với một số dụng cụ chăn nuôi như ủng, lồng úm, cào sủi phân, máng ăn, máng uống, máng phụ,... phải ngâm trong dung dịch xút 1% ít nhất 12 giờ, sau đó cọ rửa lại bằng nước sạch và phun thuốc sát trùng. Lặp lại ít nhất 2 lần.

- Các dụng cụ bằng gỗ trong trại, thanh chắn bằng gỗ, giàn mát,... phải được tiêu hủy bằng cách đốt.

- Đối với hệ thống núng uống và ống dẫn nước: Tháo dỡ toàn bộ hệ thống núng uống và ống dẫn nước, ngâm trong dung dịch xút 1% ít nhất 12 giờ, Sau đó, làm sạch ống dẫn nước bằng cách xả hết nước trong đường ống nước uống, pha thuốc sát trùng để ngâm đường ống ít nhất 24 giờ, sau đó xả rửa lại bằng nước sạch

- Đối với các thiết bị như máy móc, kho chứa thức ăn, thuốc phải tiến hành vệ sinh tiêu độc, khử trùng môi trường.

Bước 3: An toàn sinh học đối với khu vực ngoài chuồng nuôi.

- Toàn bộ cây cỏ, bụi rậm khu vực trong trại và quanh trại phải được chặt bỏ và đốt cháy hoàn toàn.

- Phân phải được dọn dẹp sạch sẽ, không được để bao phân nào ở khu vực trong và quanh trại.

- Cần tiến hành nạo vét, khơi thông cống rãnh, sử dụng vôi bột rải lên toàn bộ bề mặt rãnh.

- Phun sát trùng và quét vôi đường đi quanh trại, cầu cân, đường lừa heo, khu vực quanh chuồng nuôi, khuôn viên trại, nhà ở công nhân, nhà ở,...

- Luôn kiểm soát phương tiện từ bên ngoài vào (mang mầm bệnh từ nơi này qua nơi khác)

- Tiêu diệt động vật mang trùng như ruồi, muỗi, chuột và các loại côn trùng khác.

Tiến hành tái đàn sau khi vệ sinh tiêu độc

Sau 15 ngày khi đã vệ sinh, tiêu độc chuồng trại xong, người chăn nuôi tiến hành vệ sinh tiêu độc lần 2; sử dụng thuốc sát trùng phun toàn bộ khu vực chuồng nuôi và khuôn viên trại. Trong thời gian này, người chăn nuôi nên đóng kín cửa chuồng. Với những trại chăn nuôi theo mô hình chuồng hở, khuyến khích người chăn nuôi chuyển đổi sang mô hình chuồng kín nhằm hạn chế tối đa mầm bệnh lây lan từ bên ngoài vào chuồng trại.

Cùng với đó, cần phun thuốc sát trùng toàn bộ hệ thống chuồng trại và khuôn viên trại trước khi nhập heo về 30 ngày. Các trang trại từng bước nuôi tái đàn với số lượng khoảng 10% tổng số lượng có thể nuôi. Sau khi nuôi tái đàn được 30 ngày, người chăn nuôi nên lấy mẫu để xét nghiệm vi rút bệnh Dịch tả lợn châu Phi, nếu xét nghiệm có kết quả âm tính mới được tái đàn 100% tổng đàn. Người chăn nuôi cần lưu ý trước khi thả heo 1 ngày để tái đàn 100% cần phun thuốc sát trùng toàn bộ chuồng trại và khuôn viên trại./.

ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ CHĂN NUÔI

Mục 1. ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ CHĂN NUÔI

Điều 54. Kê khai hoạt động chăn nuôi

1. Tổ chức, cá nhân chăn nuôi phải kê khai hoạt động chăn nuôi với Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định loại, số lượng vật nuôi phải thực hiện kê khai, thời điểm kê khai và mẫu kê khai hoạt động chăn nuôi.

Điều 55. Chăn nuôi trang trại

1. Chăn nuôi trang trại phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Vị trí xây dựng trang trại phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng, chiến lược phát triển chăn nuôi; đáp ứng yêu cầu về mật độ chăn nuôi quy định tại [khoản 4 và khoản 5 Điều 53 của Luật này](#);

4. Chính phủ quy định mật độ chăn nuôi cho từng vùng căn cứ vào chiến lược phát triển chăn nuôi, công nghệ chăn nuôi, môi trường sinh thái.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào mật độ chăn nuôi của vùng quy định mật độ chăn nuôi của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

b) Có đủ nguồn nước bảo đảm chất lượng cho hoạt động chăn nuôi và xử lý chất thải chăn nuôi;

c) Có biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

d) Có chuồng trại, trang thiết bị chăn nuôi phù hợp với từng loại vật nuôi;

đ) Có hồ sơ ghi chép quá trình hoạt động chăn nuôi, sử dụng thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, vắc-xin và thông tin khác để bảo đảm truy xuất nguồn gốc; lưu giữ hồ sơ trong thời gian tối thiểu là 01 năm sau khi kết thúc chu kỳ chăn nuôi;

e) Có khoảng cách an toàn từ khu vực chăn nuôi trang trại đến đối tượng chịu ảnh hưởng của hoạt động chăn nuôi và từ nguồn gây ô nhiễm đến khu vực chăn nuôi trang trại.

2. Tổ chức, cá nhân chăn nuôi trang trại quy mô lớn phải được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi.

3. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định khoảng cách an toàn trong chăn nuôi trang trại bảo đảm an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường.

Điều 56. Chăn nuôi nông hộ

Chăn nuôi nông hộ phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

1. Chuồng nuôi phải tách biệt với nơi ở của người;

2. Định kỳ vệ sinh, khử trùng, tiêu độc chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi;
3. Có các biện pháp phù hợp để vệ sinh phòng dịch; thu gom, xử lý phân, nước thải chăn nuôi, xác vật nuôi và chất thải chăn nuôi khác theo quy định của pháp luật về thú y, bảo vệ môi trường.

Điều 57. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân chăn nuôi

1. Tổ chức, cá nhân chăn nuôi có quyền sau đây:

- a) Tổ chức, cá nhân đã thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi theo quy định tại Điều 54 của Luật này được hỗ trợ thiệt hại, khôi phục sản xuất khi bị thiên tai, dịch bệnh theo quy định của pháp luật;
- b) Được hưởng chính sách của Nhà nước có liên quan đến hoạt động chăn nuôi;
- c) Được tập huấn, đào tạo về chăn nuôi;
- d) Quảng bá sản phẩm theo quy định của pháp luật;
- đ) Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện liên quan đến chăn nuôi theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân chăn nuôi có nghĩa vụ sau đây:

- a) Thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi theo quy định tại Điều 54 của Luật này;
- b) Thực hiện các biện pháp an toàn sinh học, vệ sinh môi trường trong chăn nuôi;
- c) Xử lý chất thải chăn nuôi theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- d) Bảo đảm đối xử nhân đạo với vật nuôi theo quy định của pháp luật.

MẪU KÊ KHAI HOẠT ĐỘNG CHĂN NUÔI

(Ban hành kèm theo Thông tư số: /2019/TT-BNNPTNT ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KÊ KHAI HOẠT ĐỘNG CHĂN NUÔI

Tên chủ hộ:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại (nếu có):.....,

Số TT	Loại vật nuôi trong quý	Đơn vị tính	Số lượng nuôi trong quý	Mục đích nuôi	Thời gian bắt đầu nuôi	Dự kiến thời gian xuất	Số lượng vật nuôi xuất trong quý (con)	Sản lượng vật nuôi xuất trong quý (kg)	Ghi chú
1									
2									
...									

Ghi chú: Tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi nộp bản kê khai trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua thư điện tử, email, fax.

....., Ngày tháng năm

Họ và tên chủ hộ
(Ký, ghi rõ họ tên)